

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2021/HC-PT

Ngày: 15/7/2021

V/v: *Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Vân Hương;

Ông Nguyễn Tất Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 98/2020/TLPT-HC ngày 17 tháng 02 năm 2020 về “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5367/2021/QĐPT-HC ngày 30 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Hội Tiến 2, xã QL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lương Văn C1; địa chỉ: Số nhà 783, đường Nguyễn Công Trứ, phố Đông Hồ, phường Bích Đào, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Bùi Khắc T - Luật sư của Công ty Luật TNHH 4.1 và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Số 03, đường Lê Hồng Phong, phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trần Song T1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng

mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Chí V - Luật sư của Văn phòng luật sư Hồng Phong thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình; có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Việt H – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NQ; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã CP, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn X – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã CP, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Ủy ban nhân dân xã VP, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn T2 – Chủ tịch UBND xã VP, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Chị Phạm Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Hội Tiến 2, xã QL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2019, đơn khởi kiện ngày 02 tháng 02 năm 2019; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 14 tháng 02 năm 2019; đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2019; các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Nguyễn Thành C và ông C1 người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Nguyễn Thành C yêu cầu hủy Điều 01 và Điều 02 Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi tắt là Quyết định 476/QĐ-UBND) và yêu cầu UBND xã CP, UBND huyện NQ, UBND tỉnh Ninh Bình cùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do quyết định giải quyết khiếu nại gây ra: Số tiền 1.443.000.000 đồng. Ông Nguyễn Thành C căn cứ vào thực tế và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án. Ngày 10/9/2015 ông gửi đơn khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình đến ngày 24/9/2018 ông mới nhận được Quyết định 476/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình. Quyết định 476/QĐ-UBND đã làm phát sinh, ảnh hưởng, quyền lợi ích hợp pháp của ông, không bảo vệ quyền lợi cho ông, do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xâm hại là UBND xã, UBND huyện NQ buộc ông Nguyễn Thành C phải trình lên UBND tỉnh vẫn bao che cho UBND xã, huyện vi phạm nghiêm trọng.

- Chủ tịch UBND tỉnh kéo dài thời gian nhận đơn không giải quyết đơn của ông là 996 ngày, vi phạm Luật khiếu nại.

- Nội dung của Quyết định 476/QĐ-UBND cũng nêu rõ việc UBND xã CP ký hợp đồng số 02 ngày 15/8/2007 với ông Nguyễn Thành C để cho thuê đất

đối với diện tích đất không phải là quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã tại vị trí trên núi và dưới chân núi Sụ Cú là trái thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Luật Đất đai 2003. Như vậy theo kết luận nêu tại mục V - Quyết định 476/QĐ-UBND thì ông Nguyễn Thành C không có sai phạm mà UBND xã CP đã vi phạm theo quy định tại Điều 15 Luật Đất đai năm 2003 và gia đình ông đủ Điều kiện được bồi thường, hỗ trợ về đất và các khoản hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất. Vì chính quyền thực hiện sai pháp luật thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Nhưng Quyết định 476/QĐ-UBND chỉ yêu cầu xã kiểm điểm rút kinh nghiệm.

- Việc UBND huyện NQ bồi thường cho ông số tiền là 93.164.111 đồng theo Quyết định 1229 ngày 05/9/2011 và ngày 17/8/2015 Chủ tịch UBND huyện NQ đã ban hành Quyết định số 3503/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông, trong đó thu hồi và nộp về ngân sách nhà nước số tiền trên với lý do là diện tích đất ông đang thuê, không thuộc diện thu hồi nên ông không thuộc đối tượng được đền bù là không đảm bảo quyền lợi cho ông, vì gia đình ông đang sử dụng đất, đang sản xuất thì phải chuyển cây trồng vật nuôi ra ngoài, phá bỏ chuồng trại để Nhà nước thực hiện dự án trong khi thời hạn hợp đồng chưa hết (8/2012 mới hết hạn) trách nhiệm này thuộc về ai. Hiện nay ông vẫn chưa nộp lại số tiền trên cho UBND huyện NQ.

Theo quy định của pháp luật ông chưa được nhận chủ trương thu hồi đất, thông báo thu hồi đất, phương án bồi thường. Như vậy là các cấp chính quyền đã vi phạm quy định của pháp luật về đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng trước khi Nhà nước thu hồi đất. Ông Nguyễn Thành C yêu cầu phải bồi thường thiệt hại cho gia đình ông theo quy định của pháp luật.

- Về việc liệt kê những thiệt hại do việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại gây ra với số tiền 1.443.000.000 đồng, ông đã có văn bản gửi đến Tòa án. Ông Nguyễn Thành C yêu cầu UBND xã VP, UBND xã CP, UBND huyện NQ, UBND tỉnh Ninh Bình cùng có trách nhiệm bồi thường cho gia đình ông 1.443.000.000 đồng.

Nếu UBND xã VP, UBND xã CP, UBND huyện NQ, UBND tỉnh Ninh Bình bồi thường cho gia đình ông $\frac{1}{2}$ số tiền trong tổng số tiền 1.443.000.000 đồng mà ông yêu cầu là 721.000.000 đồng thì ông sẽ rút đơn kiện.

Tại văn bản số 25/UBND-VP10 ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ngày 15 tháng 8 năm 2007, ông Nguyễn Thành C trú tại thôn Trại Rào, xã VP, huyện NQ có gửi UBND xã CP về việc xin thuê đất hoang. Đồng thời cùng ngày, UBND xã CP và ông Nguyễn Thành C đã ký Hợp đồng giao thầu đất số 02/HĐ-GT ngày 15/8/2007 (tên hợp đồng thể hiện là hợp đồng giao thầu đất

nhưng nội dung thể hiện là thuê đất), trong đó không có Điều khoản về việc xây dựng chuồng trại mà chỉ có các Điều về vị trí, diện tích thuê đất, trách nhiệm, thời hạn thuê cụ thể: Diện tích đất thuê là 3,45 ha (thuộc núi Sụ Cú và chân núi Sụ Cú tại thôn Đồng Bót, xã CP. Thời gian thuê đất 05 năm từ ngày 16/8/2007 đến ngày 16/8/2012). Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp: hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn tiếp, bên thuê đất bị phá sản hoặc giải thể, bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo Điều 38 Luật Đất đai.

Qua kiểm tra, xác minh cho thấy: Vị trí đất thuê không thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã. UBND xã CP cho ông Nguyễn Thành C thuê là không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Đất đai năm 2003 (thời điểm cho thuê thì Luật Đất đai năm 2003 đang còn hiệu lực pháp luật).

Quá trình sử dụng đất thuê (từ tháng 8 năm 2007 đến trước tháng 12 năm 2010) ông Nguyễn Thành C không xây dựng chuồng trại. Việc xây dựng chuồng trại, trồng cây keo ở khu vực đất thuê của ông Nguyễn Thành C được thực hiện sau khi có chủ trương giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp hồ Thường Xung, huyện NQ, trong đó khu vực đất thuê thuộc phạm vi bị ảnh hưởng của dự án, cụ thể: Ngày 08/9/2009, UBND huyện NQ ban hành văn bản số 574/UBND-VP triển khai thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp hồ Thường Xung. Đến cuối năm 2010, ông C mới xây dựng chuồng trại, trồng cây keo trên khu vực đất thuê, đến tháng 5/2014 sau khi kiểm tra mới xác định vị trí xây dựng chuồng trại nằm ngoài vị trí đất được thuê. Việc ông C xây dựng chuồng trại trên khu vực đất thuê chưa được đồng ý của UBND xã CP và đã được UBND xã CP phát hiện lập biên bản vi phạm vào các ngày 22/12/2010, 28/12/2010 và yêu cầu tháo dỡ, nhưng ông C không chấp hành mà vẫn xây dựng chuồng trại.

Thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp hồ Thường Xung, huyện NQ, ngày 21/12/2010 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1118/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất thực hiện dự án, trong đó không có thu hồi diện tích đất UBND xã CP cho ông C thuê.

Tuy nhiên, vào khoảng đầu năm 2011, Hội đồng đền bù, giải phóng mặt bằng huyện NQ và UBND xã VP đã kiểm đếm sai quy định đối với tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất mà ông C thuê của UBND xã CP (vị trí đất thuê thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã CP, nhưng UBND xã VP thực hiện việc kiểm đếm tài sản, trong khi Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh không thu hồi diện tích đất thuê này). Sau đó, UBND huyện NQ đã tiến hành việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án tại xã VP, huyện NQ và đã bồi thường tài sản cho ông Nguyễn Thành C tại Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 09/5/2011 với số tiền 93.164.111 đồng. Ông C đã nhận đủ số tiền trên tại phiếu chi ghi tháng 6/2011 của Hội đồng đền bù, giải phóng mặt bằng huyện NQ, việc bồi thường tài sản cho ông C khi không có quyết định

thu hồi đất của UBND tỉnh về việc thu hồi diện tích đất ông C thuê, là sai quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

Đến ngày 09/01/2013, UBND tỉnh tiếp tục ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất thực hiện dự án, trong đó có thu hồi một phần diện tích đất UBND xã CP cho ông Nguyễn Thành C thuê, tại thời điểm này, hợp đồng thuê đất của ông C với UBND xã CP đã hết hạn 04 tháng và không được gia hạn tiếp. Hồ sơ địa chính và quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh thể hiện diện tích đất thu hồi là do UBND xã CP quản lý; không có tên, danh sách của ông C bị thu hồi đất. Theo quy định của pháp Luật Đất đai thì ông Nguyễn Thành C không thuộc trường hợp được bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất. Vì vậy, ông C không được hưởng chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án.

Sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 09/01/2013 về việc thu hồi đất, giao đất thực hiện dự án, sau hơn 02 năm kể từ ngày nhận tiền đền bù, ông Nguyễn Thành C mới có đơn đề nghị hỗ trợ công cải tạo đất và có nhiều đơn đề nghị về công tác bồi thường GPMB thực hiện dự án và giải quyết hợp đồng giao thầu đất. Các nội dung đề nghị của ông C đã được UBND huyện NQ xem xét, trả lời.

Ngày 13/3/2014, UBND huyện NQ có văn bản số 181/UBND-TTr chỉ đạo UBND xã CP giải quyết các vướng mắc trong thực hiện hợp đồng với ông C. Ngày 20/3/2014 UBND xã CP đã làm việc với ông Nguyễn Thành C để thanh lý Hợp đồng giao thầu đất số 02/HĐ-GT nhưng không có kết quả, vì ông C không đồng ý thanh lý hợp đồng và yêu cầu UBND xã CP phải bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng trước hạn.

Ngày 03/6/2014, UBND huyện NQ đã có thông báo số 82/TB-UBND gửi ông C nêu rõ: việc thanh lý hợp đồng, nếu ông C và UBND xã CP không thỏa thuận được thì ông C có quyền khởi kiện ra Tòa án để giải quyết theo quy định. Tuy nhiên, ông C không thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án để giải quyết các vướng mắc trong thanh lý hợp đồng.

Ngày 03/5/2015, ông Nguyễn Thành C có đơn gửi UBND huyện NQ khiếu nại về việc bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án, trong đó khiếu nại nội dung:

- Đề nghị bồi thường hỗ trợ các khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại; đềnghị hỗ trợ công khai hoang cải tạo đất; bồi thường 46m³ xây dựng đường và đào mương; giá trị gia súc, gia cầm vật nuôi chưa đến thời điểm thu hoạch như: lợn 150 con, dê 15 con, gà 200 con; bồi thường di chuyển gia súc, gia cầm vật nuôi và xây dựng khu chuồng trại mới để ổn định chăn nuôi.

- UBND huyện NQ thiếu trách nhiệm trong việc chỉ đạo UBND xã CP thanh lý hợp đồng với ông.

Ngày 17/8/2015, Chủ tịch UBND huyện NQ đã ban hành Quyết định số 3503/QĐ-CT giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của ông Nguyễn Thành C, theo đó đã bác nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành C về việc bồi thường, hỗ trợ về đất và các khoản hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đối với diện tích đất UBND xã CP cho thuê không đúng thẩm quyền. Thu hồi nộp về ngân sách Nhà nước số tiền 93.164.111 đồng đã bồi thường không đúng cho ông Nguyễn Thành C. Kiểm đếm, có hình thức xử lý nghiêm túc với tập thể và cá nhân có liên quan trong Hội đồng đền bù GPMB huyện, UBND xã CP, UBND xã VP trong việc quản lý đất, thực hiện trình tự, thủ tục cho thuê đất, kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng đối với hộ ông Nguyễn Thành C không đúng quy định của pháp luật về đất đai. Yêu cầu UBND xã CP giải quyết dứt điểm các tồn tại trong hợp đồng giao thâu đất với ông C theo quy định của pháp luật.

Sau đó ngày 10/9/2015, ông Nguyễn Thành C có đơn gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh khiếu nại Quyết định số 3503/QĐ-CT ngày 17/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện NQ, trong đó có nội dung: không nhất trí với việc UBND huyện NQ thu hồi và nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 93.164.111 đồng đã bồi thường cho ông. Đề nghị được bồi thường, hỗ trợ về công khai hoang, cải tạo đất, di chuyển gia súc, gia cầm, vật nuôi và xây dựng khu chuồng trại mới để ổn định chăn nuôi khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp hồ Thường Xung, huyện NQ đối với diện tích đất ông đã thuê của UBND xã CP bị thu hồi năm 2011.

Ngày 22/9/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình đã có văn bản số 108/UBND-VP10 giao Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện NQ xác minh đề xuất biện pháp giải quyết khiếu nại lần hai. Đồng thời ngày 25/5/2018 Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 301 thành lập Tổ công tác liên ngành của tỉnh gồm: Thanh tra tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Sở Tư pháp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh để kiểm tra, rà soát, xác minh, kết luận nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành C.

Sau khi xem xét Báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh của Thanh tra tỉnh và Tổ công tác liên ngành của tỉnh, ngày 24/9/2018 Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 476/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Thành C, trong đó đã kết luận:

Giữ nguyên Quyết định số 3503/QĐ-CT ngày 17/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện NQ, về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành C.

Bác nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Thành C về việc không nhất trí với Quyết định số 3503/QĐ-CT ngày 17/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện NQ về việc thu hồi và nộp về ngân sách Nhà nước số tiền 93.164.111 đồng đã bồi thường cho ông và đề nghị được hưởng một số chính sách bồi thường, hỗ trợ khi

Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp hồ Thường Xung.

Việc ông Nguyễn Thành C đề nghị được bồi thường, hỗ trợ về tài sản và các khoản hỗ trợ khác liên quan đến việc thực hiện hợp đồng thuê đất trước thời hạn và chưa thực hiện việc thanh lý hợp đồng giữa ông Nguyễn Thành C và UBND xã CP, nếu các bên thực hiện hợp đồng không tự thỏa thuận, giải quyết được thì các bên có quyền khởi kiện đến Tòa án nhân dân để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Nội dung đề nghị này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh.

Từ nội dung, tình tiết, diễn biến vụ việc nêu trên cho thấy:

- Nội dung Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Thành C là đúng thẩm quyền, đúng quy định của luật pháp.

- Nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Thành C, trú tại thôn Hội Tiến 2, xã QL, huyện NQ về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh xét xử, giải quyết hủy bỏ Điều 01 và Điều 02 Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình, bồi thường thiệt hại do quyết định giải quyết khiếu nại gây ra số tiền 176.000.000 đồng là không có căn cứ pháp luật. Đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh giữ nguyên Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Thành C.

Tại Văn bản số 776/UBND-TTr ngày 02 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện NQ trình bày:

Năm 2007, ông Nguyễn Thành C và UBND xã CP có ký hợp đồng số 02/HĐ-GT giao thầu diện tích 34.521m² tại thôn Đồng Bót, xã CP thuộc thửa số 139 và 170, tờ bản đồ số 45, Bản đồ địa chính xã CP lập năm 2002 (thửa số 139: 10.550 m²; thửa số 170: 23.971 m²), thời hạn sử dụng đến hết ngày 16/8/2012. Đến năm 2011, thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp hồ Thường Xung, Hội đồng đền bù – GPMB huyện NQ đã tiến hành kiểm đếm tài sản, hoa màu trên đất của ông C thuê của UBND xã CP và tham mưu cho UBND huyện NQ ban hành Quyết định số 1229/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng giai đoạn 2 dự án cải tạo, nâng cấp hồ Thường Xung tại xã VP, huyện NQ, trong đó có bồi thường tài sản được kiểm đếm cho ông Nguyễn Thành C với số tiền 93.164.111 đồng.

Sau đó ông C có khiếu nại đến UBND huyện NQ về việc UBND huyện NQ còn bồi thường, hỗ trợ thiếu cho ông C khi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp hồ Thường Xung. Nội dung khiếu nại của ông C được UBND huyện NQ thụ lý và giải quyết tại Quyết định số 3503/QĐ-CT ngày 17/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện NQ. Sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, ông Nguyễn Thành C không nhất trí với nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện NQ đã tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ

tịch UBND tỉnh Ninh Bình. UBND tỉnh Ninh Bình đã thụ lý và giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông C tại Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình.

Qua xem xét, UBND huyện NQ nhận thấy việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện trước đây tại Quyết định số 3503 ngày 17/8/2015 và việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình tại Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 đối với nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Thành C là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 06 ngày 10 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã CP trình bày:

Sau khi nhận được thông tin của nhân dân thôn Đồng Bót về việc ông Nguyễn Thành C có vi phạm xây dựng trái phép vật kiến trúc trên đất được UBND xã CP giao thầu đất, ngày 22/12/2010 UBND xã CP đã đến hiện trường lập biên bản yêu cầu ông Nguyễn Thành C không được xây dựng bất kỳ vật kiến trúc nào trên đất mà ông đang thầu và yêu cầu ông C phải tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc mà ông đã xây dựng trên đất thầu của UBND xã.

Chiều ngày 22 tháng 12 năm 2010 vào lúc 14 giờ 30 phút, UBND xã CP tiến hành làm việc với ông Nguyễn Thành C về nội dung ông Nguyễn Thành C tự ý xây nhà, vật kiến trúc phạm trên diện tích đất thuê của địa phương. Ông C có ý kiến: “*Sau khi xem biên bản tôi đề nghị chính quyền gia hạn cho tôi khi nào chấm dứt hợp đồng tôi sẽ tự dỡ bỏ*”.

Ngày 23 tháng 12 năm 2010, ông C có đơn đề nghị UBND xã CP tạo Điều kiện cho xây dựng chuồng trại tạm để bảo vệ vật nuôi, nhưng UBND xã CP không đồng ý, vì trong hợp đồng không được xây dựng vật kiến trúc trên đất mà ông đang thuê của UBND xã.

Ngày 28 tháng 12 năm 2010, UBND xã CP tiếp tục mời ông C lên làm việc về nội dung tháo dỡ công trình xây dựng trái phép nhưng ông C không ký tên vào biên bản làm việc.

Ngày 20/3/2014, UBND xã CP đã tổ chức hội nghị mời ông Nguyễn Thành C đến trụ sở UBND xã CP để giải quyết thanh lý hợp đồng thuê đất hoang số 02 giữa UBND xã CP và ông C.

Ngày 23/4/2014, UBND xã đã kiểm tra hiện trường và lập biên bản làm việc xác định vị trí tài sản trên đất và báo cáo UBND huyện về việc xác định vị trí xây dựng vật kiến trúc trái phép của ông C trên đất của UBND xã đang quản lý không thuộc phần đất thuê theo hợp đồng số 02 của hộ gia đình ông C với UBND xã CP. Sau đó ông C đã có đơn khiếu nại đến UBND huyện NQ về việc UBND huyện NQ còn bồi thường, hỗ trợ thiếu cho ông C khi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp hồ Thường Xung. Nội dung khiếu nại của ông C đã được Chủ tịch UBND huyện NQ thụ lý và giải quyết tại Quyết định số 3503/QĐ-

CT ngày 17/8/2015. Sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, ông Nguyễn Thành C không nhất trí với nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện NQ đã tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình. Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình đã thụ lý và giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông C tại Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình.

UBND xã CP nhận thấy việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện NQ trước đây tại Quyết định số 3503/QĐ-CT ngày 17/8/2015 và việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình tại Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 đối với nội dung khiếu nại của ông C là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 06 ngày 17 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã VP trình bày:

UBND xã VP không có ý kiến gì đối với các yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Văn bản ngày 16 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị L (là vợ của ông C) trình bày:

Gia đình bà là nông dân lao động sản xuất nông nghiệp, được sự quan tâm của UBND xã CP cho gia đình bà thuê đất, hợp đồng đã được Chủ tịch UBND xã ký thời hạn 05 năm, từ ngày 16/8/2007 đến ngày 16/8/2012. Năm 2011 UBND xã VP được huyện chỉ đạo thu hồi lại đất đã chấm dứt hợp đồng của bà là 02 năm, đã vi phạm:

1. Không thanh lý hợp đồng.

2. Không đền bù hỗ trợ 02 năm còn lại, bà không thu hoạch được sản phẩm như lợn, gà, dê, rau màu ngắn ngày, các công trình kiến trúc trên đất. Hậu quả gia đình bà bị thua thiệt, buộc gia đình bà phải khiếu kiện, tố cáo tới cơ quan có thẩm quyền như UBND xã, huyện, tỉnh, kéo dài từ năm 2011 đến nay là 08 năm, tổn công lao động, sức khỏe, tiền bur chính, giấy tờ... với tổn thất trên 1.400.000.000 đồng. Bà L đề nghị Tòa án hủy Điều 01 và Điều 02 Quyết định số 476, 3503 của UBND huyện, UBND tỉnh. Buộc UBND xã, huyện phải bồi thường cho bà về chấm dứt hợp đồng không thanh lý, đền bù cho gia đình bà chi phí khiếu nại 08 năm nay. Bà đồng ý nếu UBND đền bù hỗ trợ cho bà số tiền 1.400.000.000 đồng, khi nào có thỏa thuận bà xin rút đơn coi như hòa giải thành. Tại phiên đối thoại ngày 18/9/2019 và tại phiên tòa, bà L đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng bà.

Trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại ông Nguyễn Thành C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vẫn giữ nguyên Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HCST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 2, Điều 15, Điều 21, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại; Điều 22 Luật tổ chức chính quyền địa phương; khoản 1, khoản 6, khoản 7 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành C yêu cầu hủy Điều 01, Điều 02 Quyết định 476/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành C (lần 2).

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Thành C yêu cầu UBND xã VP, UBND xã CP, UBND huyện NQ, UBND tỉnh Ninh Bình liên đới bồi thường cho ông số tiền 1.443.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi ba ngàn đồng chẵn).

Về án phí: Ông Nguyễn Thành C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2010/04482 ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Ông Nguyễn Thành C phải chịu 52.290.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/11/2019, người khởi kiện là ông Nguyễn Thành C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thành C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy các quyết định của UBND do UBND ban hành quyết định không đúng quy trình, không đúng quy định của pháp luật; yêu cầu bồi thường số tiền hơn 700 triệu đồng do UBND ban hành quyết định sai ảnh hưởng đến quyền lợi của ông C; ông C đề nghị tiếp tục thuê diện tích đất chưa bị thu hồi và xem xét lại phần án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật và đơn kháng cáo của ông C là hợp lệ.

Về nội dung: Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Thành C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Điều 01 và Điều 02 của Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình; yêu cầu UBND xã VP, UBND xã CP, UBND huyện NQ, UBND tỉnh Ninh Bình cùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình ông với số tiền 1.443.000.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 3, Điều 7, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền.

Ông Nguyễn Thành C đã thực hiện quyền khởi kiện, trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại: Ngày 10/9/2015 ông Nguyễn Thành C gửi đơn đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại số 3503/QĐ-CT ngày 17/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện NQ; ông Nguyễn Thành C thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại. Theo quy định tại Điều 21 Luật khiếu nại thì đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành C, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh Ninh Bình.

[3] Về hình thức của Quyết định: Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 09/5/2011 của UBND huyện NQ, Quyết định số 3503/QĐ-CT ngày 17/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện NQ và Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành C (lần hai) đã ban hành đúng mẫu số 16-KN (Ban hành kèm theo Thông tư số 07/3013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ).

[4] Về trình tự thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại:

- Thời hạn giải quyết đơn khiếu nại: Tính từ ngày ông Nguyễn Thành C có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (ngày 10/9/2015) cho đến khi ban hành Quyết định số 476/QĐ-UBND (ngày 24/9/2018) là quá hạn, vi phạm thời hạn thụ lý, giải quyết khiếu nại được quy định tại Điều 36, Điều 37 Luật khiếu nại, nhưng bản chất việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh là đúng quy định của pháp luật.

- Về trình tự thủ tục:

Ngày 17/8/2015, Chủ tịch UBND huyện NQ đã ban hành Quyết định số 3503/QĐ-CT giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của ông Nguyễn Thành C, trong đó đã bác nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành C về việc bồi thường, hỗ trợ về đất và các khoản hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đối với diện tích đất UBND xã CP cho thuê không đúng thẩm quyền. Giao Hội đồng đền bù - GPMB huyện trình UBND huyện NQ thu hồi, nộp về ngân sách Nhà nước số tiền 93.164.111 đồng đã bồi thường không đúng cho ông Nguyễn Thành C. Kiểm điểm, có hình thức xử lý nghiêm túc với tập thể và cá nhân có liên quan trong Hội đồng đền bù, GPMB huyện, UBND xã CP, UBND xã VP trong việc quản lý đất, thực hiện trình tự, thủ tục cho thuê đất,

kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng đối với hộ ông Nguyễn Thành C không đúng quy định của pháp luật về đất đai. Yêu cầu UBND xã CP giải quyết dứt điểm các tồn tại trong hợp đồng giao thầu đất với ông C theo đúng quy định của pháp luật.

Không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại nêu trên, ngày 10/9/2015, ông Nguyễn Thành C có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh khiếu nại Quyết định số 3503/QĐ-CT ngày 17/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện NQ, trong đó có nội dung: không nhất trí với việc UBND huyện NQ thu hồi và nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 93.164.111 đồng đã bồi thường cho ông. Đề nghị được bồi thường, hỗ trợ về công khai hoang, cải tạo đất, di chuyển gia súc, gia cầm, vật nuôi và xây dựng khu chuồng trại mới để ổn định chăn nuôi khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp hồ Thường Xung, huyện NQ.

Khiếu nại của ông Nguyễn Thành C không được Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình chấp nhận nên Quyết định số 3503/QĐ-CT ngày 17/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện NQ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành C lần đầu là có căn cứ. Vì vậy, tại Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình có nội dung:

Giữ nguyên Quyết định số 3503/QĐ-CT ngày 17/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện NQ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành C.

Bác nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Thành C về việc không nhất trí với Quyết định số 3503/QĐ-CT ngày 17/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện NQ về việc thu hồi và nộp về ngân sách Nhà nước số tiền 93.164.111 đồng đã bồi thường cho ông và đề nghị được hưởng một số chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp hồ Thường Xung.

Tại Công văn 384/UBND-VP ngày 23/3/2021, Ủy ban nhân dân huyện NQ, tỉnh Ninh Bình “xét Điều kiện, hoàn cảnh của người dân, Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng huyện đã phối hợp với UBND xã CP, UBND xã VP tham mưu UBND huyện không thu hồi số tiền 93.164.111 đồng nêu trên đối với người dân”.

Như vậy, trình tự, thủ tục ban hành văn bản nêu trên đúng quy định của pháp luật.

[5] Về nội dung:

[5.1] Về việc thuê đất và sử dụng đất:

- Ngày 15/8/2007, UBND xã CP và ông Nguyễn Thành C đã ký Hợp đồng giao thầu đất số 02/HĐ-GT (tên hợp đồng thể hiện là hợp đồng giao thầu đất nhưng nội dung thể hiện là thuê đất), diện tích đất thuê là 3,45 ha (thuộc núi Sụ Cú và chân núi Sụ Cú tại thôn Đồng Bót, xã CP.

Thời gian thuê đất 05 năm từ ngày 16/8/2007 đến ngày 16/8/2012. Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp: hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn tiếp, bên thuê đất bị phá sản hoặc giải thể, bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước

có thẩm quyền thu hồi đất theo Điều 38 Luật Đất đai.

Tuy nhiên, diện tích đất ông C thuê không thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng mục đích kinh doanh, sản xuất mà là đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã. Tại phiên tòa phúc thẩm ông C và đại diện UBND xã CP đều xác định việc ký hợp đồng vượt quá thẩm quyền (theo quy định khoản 3 Điều 37 Luật Đất đai năm 2003) và thời điểm thu hồi đất hết thời hạn thuê theo hợp đồng nêu trên.

- Sau khi thuê đất ông C thực hiện trồng cây, nhưng đến tháng 12/2010 khi có chủ trương thu hồi đất ở khu vực ông C thuê để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp hồ Thường Xung, ông Nguyễn Thành C đã xây dựng chuồng trại, tường rào, sân thả lợn, nhà bán mại, trồng cây keo, khi chưa được UBND xã CP đồng ý, mặc dù UBND xã CP đã lập biên bản vi phạm và yêu cầu ông Nguyễn Thành C tháo dỡ, nhưng ông C không chấp hành mà vẫn tiến hành xây dựng chuồng trại, vật kiến trúc...Vi phạm Luật Đất đai và vi phạm thỏa thuận Hợp đồng giao thuê đất số 02/HĐ-GT nêu trên.

[5.2] Thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp hồ Thường Xung, huyện NQ:

- Thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp hồ Thường Xung, huyện NQ, ngày 21/12/2010 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1118/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất thực hiện dự án, nhưng không thu hồi diện tích đất mà UBND xã CP đã cho ông C thuê tại thửa 139, 170 bản đồ số 45, bản đồ địa chính xã CP lập năm 2002. Tuy nhiên, vào khoảng đầu năm 2011, Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng huyện NQ và UBND xã VP đã kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất mà ông C thuê, (Biên bản không ghi ngày tháng năm nào), phần tài sản, vật kiến trúc gồm: chuồng lợn, tường quây lợn, nhà bán mại, móng tường rào, trụ cột tường rào, cây keo mới trồng, có chữ ký xác nhận của Hội đồng đền bù - GPMB huyện NQ, UBND xã VP và ông C. Như vậy UBND xã VP và Hội đồng đền bù - GPMB huyện NQ cùng ký xác nhận vào biên bản kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc của ông C là không đúng, vì vị trí đất ông C thuê thuộc quyền quản lý của UBND xã CP, UBND xã CP đã cho ông C thuê từ ngày 16/8/2007. Hội đồng đền bù - GPMB huyện NQ và UBND xã VP thực hiện việc kiểm đếm tài sản, cây cối trong khi Quyết định số 1118/QĐ-UBND của UBND tỉnh không thu hồi diện tích đất ông C thuê là sai quy định. Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo Chủ tịch UBND huyện NQ kiểm điểm, làm rõ sai phạm của tập thể cá nhân để xử lý là đúng quy định của pháp luật.

- Tại Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 09/5/2011 của UBND huyện NQ “phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng nâng cấp hồ Thường Xung ...”, xác định tiền đền bù tài sản, cây cối cho ông Nguyễn Thành C với số tiền 93.164.111 đồng (vật kiến trúc 78.164.111 đồng và cây cối hoa màu 15.000.000 đồng). Ông Nguyễn Thành C khiếu nại. Ngày 17/8/2015, Chủ tịch UBND huyện NQ đã ban hành Quyết định số 3503/QĐ-CT về việc giải

quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Thành C, trong đó có giao cho Hội đồng đền bù - GPMB huyện NQ trình UBND huyện NQ thu hồi nộp về ngân sách Nhà nước số tiền 93.164.111 đồng đã bồi thường không đúng cho ông Nguyễn Thành C, vì cho rằng, việc bồi thường 93.164.111 đồng nêu trên là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

[5.3] Theo hợp đồng ký kết thì thời hạn thuê đất của ông Nguyễn Thành C kết thúc vào ngày 16/8/2012. Đến ngày 09/01/2013, UBND tỉnh mới ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất thực hiện dự án, trong đó có thu hồi một phần diện tích đất được UBND xã CP cho ông Nguyễn Thành C thuê, tại thời điểm ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND thì hợp đồng thuê đất của ông C với UBND xã CP đã hết hạn 04 tháng 24 ngày. Hồ sơ địa chính và quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh thể hiện: diện tích đất thu hồi là do UBND xã CP quản lý; không có tên, danh sách của ông C bị thu hồi đất. Theo thỏa thuận giữa các bên thì UBND không có trách nhiệm bồi thường về tài sản, cây cối khi hết hạn hợp đồng.

Mặt khác, tài sản, vật kiến trúc của ông C xây dựng trên đất đã bị UBND xã CP lập biên bản vi phạm và yêu cầu ông C tháo dỡ từ tháng 12/2010. Theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2, Điều 43 Luật Đất đai năm 2003, khoản 3 Điều 7 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 16/10/2009 của UBND tỉnh Ninh Bình thì ông Nguyễn Thành C không được hưởng chính sách bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án.

Tuy nhiên, tại Công văn 384/UBND-VP ngày 23/3/2021, Ủy ban nhân dân huyện NQ, tỉnh Ninh Bình “xét Điều kiện, hoàn cảnh của người dân, Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng huyện đã phối hợp với UBND xã CP, UBND xã VP tham mưu UBND huyện không thu hồi số tiền 93.164.111 đồng nêu trên đối với người dân”.

Như vậy, mặc dù ông C xây dựng trái phép nhưng ông C vẫn được UBND huyện bồi thường toàn bộ tài sản trên đất. Do vậy, phần kháng cáo này của ông C đã được chấp nhận.

[6] Ông Nguyễn Thành C cho rằng, đề nghị bồi thường hỗ trợ các khoản chi phí đầu tư vào cải tạo diện tích đất khai hoang. Tại phiên tòa phúc thẩm ông C xác định khoảng 8000m², đề nghị hỗ trợ công khai hoang cải tạo đất; bồi thường 46m³ xây dựng đường và đào mương; giá trị gia súc, gia cầm vật nuôi chưa đến thời điểm thu hoạch như: lợn 150 con, dê 15 con, gà 200 con; bồi thường di chuyển gia súc, gia cầm vật nuôi và xây dựng khu chuồng trại mới để ổn định chăn nuôi.

Hội đồng xét xử phúc thẩm, thấy: ngoài khoản tiền 93.164.111 đồng thể hiện trong Biên bản kiểm đếm của Hội đồng đền bù - GPMB huyện NQ và

UBND xã VP thực hiện theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 09/5/2011 của UBND huyện NQ nêu trên, ông C không xuất trình tài liệu chứng minh ông C thiệt hại khác do việc giải quyết khiếu nại gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện UBND xã xác định không rõ về diện tích khai hoang của ông C. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của ông C.

Ngoài ra, ông C đề nghị tiếp tục thuê diện tích đất chưa bị thu hồi (trong 3,45 ha mới thu hồi 1,55ha). Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Việc thuê đất thuộc thẩm quyền của UBND các cấp, không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên không xem xét.

[7] Về án phí:

[7.1] Xét kháng cáo ông C cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C nộp 52.290.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không đúng:

Hội đồng xét xử phúc thẩm, thấy: ông C khởi kiện yêu cầu bồi thường số tiền 1.443.000.000 đồng, do việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại gây ra đối với ông C. Mặt khác, ông C cho rằng, trường hợp UBND bồi thường cho gia đình ông $\frac{1}{2}$ số tiền trong tổng số tiền 1.443.000.000 đồng mà ông yêu cầu là 721.000.000 đồng thì ông sẽ rút đơn kiện. Khoản tiền ông C yêu cầu bồi thường (bao gồm: 93.164.111 đồng và thiệt hại khác do việc giải quyết khiếu nại gây ra). Tại Công văn 384/UBND-VP ngày 23/3/2021, Ủy ban nhân dân huyện NQ, không thu hồi số tiền 93.164.111 đồng nêu trên đối với ông C.

Theo khoản 6 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì “6. *Người có yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản theo quy định của pháp luật thì phải chịu án phí nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận*”. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không có cơ sở.

Trường hợp, Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu bồi thường của ông C do việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại gây ra là *yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản* nhưng quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC để giải thích cho ông C về những khoản yêu cầu bồi thường không phù hợp, nếu yêu cầu bồi thường thiệt hại đó không được Tòa án chấp nhận thì ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông C.

Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của ông C về việc không buộc ông C nộp 52.290.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Từ nhận định nêu trên, xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông C; sửa Bản án số 01/2019/HCST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình về án phí.

[7.2] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Thành C được chấp nhận nên ông Nguyễn Thành C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Thành C;

[2] Sửa quyết định của Bản án số 01/2019/HCST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 2, Điều 15, Điều 21, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại; Điều 22 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành C yêu cầu hủy Điều 01, Điều 02 Quyết định 476/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành C (lần 2).

- Bác yêu cầu của ông Nguyễn Thành C yêu cầu UBND xã VP, UBND xã CP, UBND huyện NQ, UBND tỉnh Ninh Bình liên đới bồi thường cho ông số tiền 1.443.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi ba ngàn đồng chẵn).

- Về án phí: Ông Nguyễn Thành C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2010/04482 ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Ông C không phải chịu 52.290.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Cường